



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



ĐỖ THỊ THANH HIỀN

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY
CÁ NHÂN KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN -
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã số: 8340201**

ĐÀ NẴNG – 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Thiều Quang

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Đề án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ
Tài chính – Ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà
Nẵng vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Trong quá trình phát triển, các ngân hàng thương mại luôn ưu tiên đảm bảo an toàn, hiệu quả và bền vững. Hoạt động tín dụng, đặc biệt là cho vay cá nhân kinh doanh, mang lại lợi nhuận lớn nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sự tăng nhanh nhu cầu vốn trong bối cảnh kinh tế biến động đặt ra yêu cầu cấp thiết về quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (sau đây gọi là Sacombank) là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu ở Việt Nam, với mạng lưới điểm giao dịch phủ sóng rộng khắp cả nước và các điểm giao dịch đặt tại hai nước Lào và Campuchia. Trải qua quá trình 32 năm hình thành và phát triển cho đến nay, Sacombank đã ngày càng lớn mạnh. Trong đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đà Nẵng là một trong những đơn vị tiêu biểu của Sacombank khu vực miền Trung. Tại đây, khách hàng cá nhân đóng góp đáng kể vào danh mục tín dụng của ngân hàng. Tuy nhiên, chính tốc độ tăng trưởng nhanh và áp lực chỉ tiêu này đã đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững. Đến ngày 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng trong cho vay khách hàng cá nhân là 93,45%. Như vậy, việc làm sao phải vừa tăng trưởng tín dụng nhanh và mạnh đáp ứng kế hoạch Hội sở đồng thời cũng phải đảm bảo yếu tố an toàn, phát triển bền vững của hệ thống thì việc làm thế nào để tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kiểm soát rủi ro tín dụng cực kỳ quan trọng tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- **Mục tiêu tổng quát:** Đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi Nhánh Đà Nẵng.

- **Mục tiêu cụ thể:**

+ Hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại NHTM.

+ Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi Nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2022-2024, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế này.

+ Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi Nhánh Đà Nẵng.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đề án tập trung nghiên cứu hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi Nhánh Đà Nẵng.

4. Phạm vi nghiên cứu

- **Phạm vi nội dung:**

Đề án tập trung nghiên cứu và phân tích hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng. Cụ thể, tập trung vào các chính sách, quy trình kiểm soát rủi ro tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân có hoạt động vay kinh doanh.

- **Phạm vi không gian:**

Nghiên cứu được thực hiện tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đà Nẵng.

- Phạm vi thời gian:

Đề án tập trung phân tích số liệu, đánh giá hoạt động và tình hình kiểm soát rủi ro tín dụng trong giai đoạn 2022–2024, đảm bảo phản ánh thực trạng thời gian gần đây và đưa ra một số giải pháp, đề xuất hoàn thiện cho giai đoạn tới.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập dữ liệu: Đề án thu thập thông tin từ các nguồn dữ liệu thứ cấp gồm: Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh hàng năm và các tài liệu nội bộ liên quan đến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đà Nẵng.

- Phương pháp thống kê, tổng hợp: Dữ liệu thu thập được tiến hành hệ thống hóa theo các chỉ tiêu như: dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh, tỷ lệ nợ xấu, mức độ trích lập dự phòng rủi ro, kết quả xử lý nợ,... nhằm tổng hợp và định hình bức tranh toàn cảnh về hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh.

- Phương pháp phân tích: Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp, tác giả sử dụng các phương pháp so sánh theo thời gian và theo đối tượng để đánh giá kết quả đạt được và hạn chế trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân kinh doanh. Qua đó, rút ra những nhận định và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro trong thời gian tới.

6. Bố cục của đề án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề án gồm 3 chương chính sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CÁ NHÂN KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái niệm và đặc điểm của rủi ro tín dụng trong cho vay tại ngân hàng thương mại

Rủi ro tín dụng phát sinh trong trường hợp ngân hàng không thu được đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay, hoặc là việc thanh toán nợ gốc và lãi không đúng kỳ hạn. Rủi ro tín dụng trong cho vay phát sinh từ việc ngân hàng cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở hợp đồng tín dụng, theo đó, người vay tiền cam kết sẽ thanh toán cả gốc và lãi đầy đủ và đúng hạn cho ngân hàng. (Nguyễn Văn Tiến, 2013).

Đặc điểm rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay: (i) mang tính bị động, (ii) đa dạng và phức tạp, (iii) mang tính tất yếu (Nguyễn Văn Tiến & Nguyễn Mạnh Hùng, 2017).

1.2. Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng thương mại

1.2.1 Khái niệm hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng thương mại

Kiểm soát rủi ro tín dụng (RRTD) là khâu trọng tâm trong công tác quản trị rủi ro tín dụng. Kiểm soát rủi ro tín dụng là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và các chương trình hành

động để né tránh, ngăn ngừa, giảm thiểu, chuyển giao, đa dạng hoá nhằm giới hạn mức độ thiệt hại tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra.

1.2.2. Đặc điểm hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng thương mại

a. Khoản vay thường có giá trị nhỏ nhưng số lượng các khoản vay lớn.

b. Các khoản cho vay có rủi ro cao: Rủi ro từ chủ thể vay; Rủi ro thiếu vốn bổ sung; Rủi ro hồ sơ và theo dõi; Rủi ro thông tin kế toán.

1.2.3. Nội dung hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng thương mại

a. Né tránh rủi ro tín dụng

- Từ chối cho vay.
- Giới hạn tín dụng trên một cá nhân kinh doanh.
- Giới hạn tín dụng theo ngành hoặc lĩnh vực.

b. Ngăn ngừa rủi ro tín dụng

- Tách bạch chức năng trong quy trình tín dụng.
- Phân cấp hạn mức phán quyết tín dụng.
- Xây dựng quy trình cho vay phù hợp với mức độ rủi ro.
- Hoàn thiện điều khoản hợp đồng tín dụng.

c. Giảm thiểu rủi ro tín dụng

- Bảo đảm tín dụng.
- Giảm dần dư nợ vay.
- Trích lập dự phòng rủi ro.
- Xây dựng các điều khoản có lợi trong hợp đồng tín dụng.
- Cơ cấu nợ.

d. Chuyển giao rủi ro tín dụng

- Mua bảo hiểm tín dụng.

- Bán nợ.
- Bảo lãnh tín dụng.

e. Đa dạng hoá rủi ro tín dụng

- Đa dạng hóa sản phẩm và đối tượng cho vay
- Cho vay đồng tài trợ đối với các khoản vay lớn

1.3. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại ngân hàng thương mại

1.3.1. Biến động dư nợ và cấu dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh

Biến động dư nợ phản ánh xu hướng tăng trưởng hoặc suy giảm trong từng giai đoạn, từ đó đánh giá được mức độ mở rộng hay thu hẹp tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân kinh doanh.

Cơ cấu dư nợ qua các thời kỳ phản ánh xu hướng dịch chuyển chiến lược tín dụng của ngân hàng, từ đó đánh giá mức độ phân tán rủi ro cũng như hiệu quả của các chính sách kiểm soát rủi ro tín dụng đã được áp dụng.

1.3.2 Biến động dư nợ và cơ cấu dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh theo mức độ rủi ro tín dụng

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ thành 5 nhóm sau: Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn); Nhóm 2 (Nợ cần chú ý); Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn); Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ). Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn).

Tỷ trọng nợ nhóm 1 càng cao, tỷ trọng nợ các nhóm 2 đến 5 càng thấp thì chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt.

1.3.3. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay cá nhân kinh doanh

Theo qui định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của NHNN Việt Nam, nợ xấu là các khoản nợ thuộc nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5.

Tỷ lệ nợ xấu càng thấp chứng tỏ ngân hàng kiểm soát tốt rủi ro, nâng cao khả năng thu hồi nợ và đảm bảo an toàn vốn.

1.3.4. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay cá nhân kinh doanh

Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro cụ thể càng thấp thể hiện năng lực kiểm soát rủi ro hiệu quả cũng như chất lượng tín dụng được đảm bảo.

1.3.5. Tỷ lệ xóa nợ ròng trong cho vay cá nhân kinh doanh

Tỷ lệ xóa nợ ròng là tỷ lệ giữa giá trị nợ xấu đã xóa trừ đi phần thu hồi từ các khoản đã xóa so với dư nợ bình quân trong kỳ. Tỷ lệ này cao cho thấy rủi ro tín dụng đã hiện thực hóa thành tổn thất tài chính thực tế, ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn và hiệu quả tín dụng của ngân hàng.

1.3.6. Tỷ lệ từ chối hồ sơ cho vay cá nhân kinh doanh

Tỷ lệ từ chối hồ sơ vay là chỉ tiêu phản ánh tỷ trọng các hồ sơ xin vay vốn bị ngân hàng từ chối cấp tín dụng so với tổng số hồ sơ xin vay được tiếp nhận trong một kỳ.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CÁ NHÂN KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

2.1.1. Môi trường bên ngoài

2.1.2. Môi trường bên trong

2.2. Thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Scombank – Chi nhánh Đà Nẵng

2.2.1. Tình hình cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2022-2024

Giai đoạn 2022–2024, dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng tăng mạnh, từ 212.758 triệu đồng năm 2023 lên 276.630 triệu đồng năm 2024, đồng thời tỷ trọng trong tổng dư nợ cũng gia tăng từ 4,8% lên 6,9%. Tăng trưởng này chủ yếu nhờ các gói vay ưu đãi, phù hợp nhu cầu vốn lưu động của cá nhân và hộ kinh doanh, kết hợp với chính sách lãi suất cạnh tranh. Tuy nhiên, tốc độ tăng nhanh đặt ra áp lực kiểm soát rủi ro, đòi hỏi chi nhánh nâng cao thẩm định, giám sát sau cho vay và áp dụng công cụ cảnh báo sớm để bảo đảm an toàn và bền vững cho danh mục tín dụng.

2.2.2. Các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

a. Biện pháp né tránh rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh

a1. Né tránh rủi ro tín dụng thông qua sàng lọc khách hàng

Trong quá trình sàng lọc, ngân hàng yêu cầu khách hàng cung cấp hồ sơ pháp lý, kinh doanh, tài chính và tài sản bảo đảm, đồng thời đánh giá năng lực pháp lý, uy tín tín dụng, hoạt động kinh doanh và khảo sát thực địa để kiểm tra tính xác thực của thông tin. Các hạn chế cấp tín dụng được áp dụng đối với khách hàng thuộc nhóm tuổi đặc biệt, hoạt động trong ngành nghề cấm, có biểu hiện giảm khả năng trả nợ hoặc bên bảo lãnh không đáp ứng điều kiện.

a2. Né tránh rủi ro tín dụng thông qua hệ thống xếp hạng nội bộ

Dựa trên hồ sơ, thông tin khách hàng đã thu thập, CBTD tiến hành nhập thông tin lên Hệ thống xếp hạng tín dụng (CRS) để thực hiện chấm điểm, xếp loại tín dụng với khách hàng. Thời điểm đánh

giá: Là cuối Quý (đối với Quý I, Quý II, Quý III) hoặc cuối ngày 30 tháng 11 (đối với Quý IV).

Qui định xếp loại rủi ro khách hàng xem xét 4 nhóm chỉ tiêu chính sau:

- Nhóm chỉ tiêu thông tin về chủ hộ kinh doanh;
- Nhóm chỉ tiêu thông tin khác liên quan đến cơ sở kinh doanh;
- Nhóm chỉ tiêu về quan hệ với Sacombank và các tổ chức tín dụng khác;
- Nhóm chỉ tiêu về phương án kinh doanh.

b. Biện pháp ngăn ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh

b1. Xây dựng quy trình cho vay chặt chẽ, có sự kiểm soát lẫn nhau giữa các bộ phận

b2. Kiểm tra giám sát nợ vay sau khi cho vay

b3. Phân định hạn mức cấp tín dụng của các cấp phân quyết

c. Biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh

c1. Trích lập dự phòng rủi ro

Chi nhánh thực hiện nghiêm túc việc trích lập DPRR theo qui định của Sacombank , theo đó Chi nhánh không trực tiếp thực hiện trích lập mà phối hợp với bộ phận chuyên trách tại Hội sở - Phòng Quản lý rủi ro để thực hiện về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro.

c2. Áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay

Trong giai đoạn 2022 – 2024, dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng gần như toàn bộ đều được cấp tín dụng có tài sản bảo đảm (bảng 2.7). Chi nhánh tuân thủ theo

Quy chế cấp tín dụng của Sacombank về các loại tài sản hạn chế nhận làm tài sản bảo đảm.

c3. Chủ động giảm dần dư nợ, cơ cấu khoản vay, cho vay thêm

Chi nhánh thực hiện phân loại các khoản cấp tín dụng có vấn đề dựa trên bộ tiêu chí định sẵn, bao gồm: (i) tính tuân thủ các điều kiện cấp tín dụng; (ii) tình hình trả nợ của khách hàng tại Sacombank, các TCTD khác, đối tác kinh doanh và các chủ nợ khác; (iii) tình hình pháp lý của khách hàng; (iv) hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính trọng yếu; (v) tình hình tài sản đảm bảo; (vi) khoản cấp tín dụng được phân loại vào nhóm nợ từ 2 trở lên. Trên cơ sở đó, các khoản cấp tín dụng có vấn đề được chia thành ba cấp độ cảnh báo

Trong các biện pháp xử lý thu hồi nợ, Chi nhánh định hướng ưu tiên các giải pháp mang tính hỗ trợ và tích cực: giảm dần dư nợ, xem xét cấp bổ sung vốn vay.

d. Biện pháp chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh

d1. Áp dụng bảo hiểm tài sản bảo đảm, bảo hiểm khoản vay

Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng áp dụng bảo hiểm tài sản đảm bảo và bảo hiểm khoản vay để giảm rủi ro cho vay cá nhân kinh doanh. Tài sản thế chấp gồm nhóm bắt buộc mua bảo hiểm theo pháp luật, nhóm khuyến khích mua theo nội bộ, và khách hàng có thể tham gia bảo hiểm khoản vay “An Tâm Tín dụng” nhằm phòng ngừa rủi ro mất khả năng trả nợ.

d2. Bán nợ xấu

Với biện pháp bán nợ, thẩm quyền quyết định thuộc Hội đồng quản trị và thực hiện bởi bộ phận chuyên trách của Hội sở – Phòng Quản lý rủi ro, Chi nhánh không trực tiếp thực hiện nhưng vẫn có trách

nhiệm theo dõi, lập báo cáo và phối hợp thu hồi nợ khách hàng trên cơ sở ủy quyền của Hội sở.

e. Biện pháp phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh

Chi nhánh phân tán rủi ro thông qua đa dạng hóa sản phẩm tín dụng cá nhân kinh doanh, cơ cấu lại danh mục theo ngành nghề ưu tiên và quản lý dòng tiền. Tuy nhiên, việc phân bổ vốn hiện vẫn chủ yếu dựa vào xu hướng thị trường ngắn hạn, thiếu cơ chế cảnh báo sớm, dẫn đến nguy cơ tập trung rủi ro theo ngành và địa phương.

2.2.3. Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

a. Biến động cơ cấu dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh theo phân loại

Trong giai đoạn 2022–2024, dư nợ cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng chủ yếu được bảo đảm bằng tài sản, chiếm gần 100% tổng dư nợ, thể hiện chính sách tín dụng thận trọng. Dư nợ ngắn hạn chiếm ưu thế tuyệt đối, phù hợp nhu cầu vốn linh hoạt của các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, với tốc độ tăng trưởng mạnh, đạt 31,4% năm 2024. Xét theo ngành nghề, ngành bán lẻ chiếm tỷ trọng cao nhất (27% năm 2022, 57% năm 2024), tiếp theo là nhà hàng – khách sạn, thủy sản và xây dựng, trong khi ngành xây dựng giảm mạnh từ 19% xuống 6% do siết chặt tín dụng và nhu cầu đầu tư chững lại sau đại dịch.

b. Biến động cơ cấu dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh theo mức độ rủi ro tín dụng

Năm 2022, toàn bộ dư nợ xếp vào nợ nhóm 1, phản ánh tín dụng được kiểm soát chặt chẽ. Năm 2023, tỷ trọng nợ nhóm 1 giảm còn 91,55% kèm xuất hiện nợ nhóm 3 và 4, do tác động kéo dài của

Covid-19 và khó khăn kinh tế địa phương. Năm 2024, nợ nhóm 1 phục hồi lên 94,16%, nhưng nợ nhóm 5 chiếm 5,84%, chủ yếu từ nợ tồn đọng năm trước. Điều này cho thấy rủi ro tín dụng chưa hoàn toàn được kiểm soát, đòi hỏi chi nhánh tiếp tục giám sát sau cho vay, kiểm tra dòng tiền, áp dụng bảo hiểm tín dụng và có chiến lược xử lý nợ xấu hiệu quả.

b. Tỷ lệ từ chối hồ sơ vay

Giai đoạn 2022–2024, Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng tiếp nhận hồ sơ vay cá nhân kinh doanh tăng đều, từ 214 hồ sơ năm 2023 lên 256 hồ sơ năm 2024, trong khi tỷ lệ từ chối giảm từ 10% xuống 6%, phản ánh chính sách tín dụng linh hoạt và thẩm định chặt chẽ hơn. Tuy dư nợ tăng mạnh, tốc độ tăng cao chủ yếu do một khách hàng lớn, cho thấy hạn chế trong phân tán rủi ro và đa dạng hóa khách hàng. Công tác tín dụng còn thiếu ổn định về quy mô và chất lượng khách hàng, do đó chi nhánh cần nâng cao tiếp thị, mở rộng cơ sở khách hàng và duy trì thẩm định nhất quán để vừa kiểm soát rủi ro, vừa tăng trưởng dư nợ an toàn, bền vững.

c. Các chỉ tiêu khác

Tỷ lệ nợ xấu: Tỷ lệ nợ xấu cho vay cá nhân kinh doanh tại Chi nhánh tăng từ 0% năm 2022 lên 8,45% năm 2023 do tác động kéo dài của Covid-19 và suy giảm kinh tế, rồi giảm xuống 5,83% năm 2024 nhưng vẫn ở mức rủi ro cao.

Tỷ lệ trích lập DPRR: Tỷ lệ trích lập DPRR chung tăng từ 1,29% năm 2022 lên 1,95% năm 2024, song hành với tốc độ tăng dư nợ, phản ánh định hướng thận trọng của chi nhánh trong quản lý rủi ro. DPRR cụ thể tăng từ 0,76% năm 2023 lên 1,34% năm 2024 do cơ cấu nợ dịch chuyển từ nhóm 3,4 sang nợ nhóm 5, cho thấy rủi ro tín

dụng vẫn hiện hữu và phải hy sinh một phần lợi nhuận để đảm bảo an toàn vốn.

Tỷ lệ xóa nợ ròng: duy trì 0% trong giai đoạn 2022–2024, phản ánh chi nhánh ưu tiên thu hồi nợ thay vì xóa nợ, nhờ sự hợp tác của khách hàng, đồng thời giúp bảo toàn tài sản và lợi nhuận.

2.3. Đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

2.3.1. Kết quả đạt được

Thẩm định và phê duyệt tín dụng chặt chẽ, sàng lọc khách hàng ngay từ đầu.

Giám sát sau giải ngân thông qua kiểm tra định kỳ và đột xuất, ứng dụng công nghệ số để phát hiện sớm rủi ro, kiểm soát nợ nhóm 2 ở mức thấp.

Duy trì cho vay có tài sản bảo đảm gần 100%; tài sản được thẩm định, định giá sát thị trường và tái định giá định kỳ; tăng cường trích lập dự phòng rủi ro.

Cơ cấu tổ chức rõ ràng, tách biệt giữa quan hệ khách hàng, thẩm định và kiểm soát rủi ro; nhân sự quản lý rủi ro tăng từ 9 lên 15 người (2022–2024).

Triển khai biện pháp thu hồi nợ linh hoạt, khuyến khích khách hàng tự bán tài sản trả nợ; tỷ lệ nợ xấu giảm từ 8,45% (2023) xuống 5,83% (2024).

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

- Hạn chế trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh:

Né tránh rủi ro: Sàng lọc và thẩm định khách hàng chủ yếu dựa vào tài sản bảo đảm, ít phân tích dòng tiền thực tế và uy tín cá nhân.

Ngăn ngừa rủi ro: Quy trình cho vay còn hình thức, nặng thủ tục; cán bộ tín dụng chưa được đào tạo đồng bộ; thiếu cơ chế cảnh báo sớm.

Giảm thiểu rủi ro: Giám sát tài chính khách hàng gặp khó khăn; TSDB chủ yếu là bất động sản, thanh khoản chậm, chi phí xử lý cao.

Chuyển giao rủi ro: Chi nhánh chưa áp dụng bảo hiểm tín dụng, tái bảo hiểm hay bán nợ, hạn chế phân tán rủi ro.

Đa dạng hóa rủi ro: Danh mục tín dụng tập trung nhiều vào bán lẻ, dịch vụ ăn uống, thương mại nhỏ lẻ; tỷ trọng cho vay giữa các ngành chưa đa dạng.

Nguyên nhân chủ quan:

Trình độ và kinh nghiệm cán bộ tín dụng chưa đồng đều; áp lực doanh số khiến thẩm định tập trung vào TSDB hơn dòng tiền và uy tín khách hàng.

Quy trình kiểm soát rủi ro chưa triệt để; giám sát sau cho vay phụ thuộc báo cáo định kỳ, kiểm tra thực địa chưa thường xuyên.

Bộ tiêu chí đánh giá đơn giản chưa phản ánh đầy đủ đặc thù hộ kinh doanh; tần suất đánh giá tối thiểu 1 tháng/lần là chưa kịp thời.

Năng lực chuyên môn cán bộ chưa đồng đều, phối hợp giữa các bộ phận rời rạc; thông tin khách hàng cập nhật chậm.

Triển khai bảo hiểm tín dụng, bán nợ, đồng tài trợ hạn chế do cán bộ chưa quen và tâm lý thận trọng.

Tập trung nhiều vào các ngành dễ tiếp cận vốn để tăng trưởng nhanh, làm hạn chế đa dạng hóa rủi ro.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CÁ NHÂN KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.1. Định hướng hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

3.1.1. Định hướng phát triển cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng đến năm 2030

Đến năm 2030, mục tiêu Chi nhánh đặt ra là duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 20%/năm, song song với việc kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2%. Chi nhánh cần tập trung phát triển mạnh phân khúc cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể trong lĩnh vực dịch vụ – thương mại – du lịch – những ngành nghề vốn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế địa phương.

Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa sản phẩm tín dụng, phát triển các gói vay ngắn hạn, vốn lưu động và sản phẩm tín dụng chuyên biệt theo ngành nghề cũng là định hướng quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

Các mục tiêu trọng tâm bao gồm: nâng cao chất lượng công tác thẩm định tín dụng, chuyển từ hình thức thẩm định dựa trên tài sản bảo đảm sang đánh giá khả năng trả nợ dựa vào dòng tiền; tăng cường công tác giám sát sau vay thông qua ứng dụng hệ thống cảnh báo sớm (EWS) theo chuẩn Basel II; đa dạng hóa các hình thức bảo đảm tín dụng; đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực tín dụng vừa có trình độ chuyên môn cao vừa có đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng

3.2.1. Chuẩn hoá và hoàn thiện bộ tiêu chí kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Chi nhánh

Mục tiêu của giải pháp

Đánh giá chính xác mức độ rủi ro của từng khoản vay nhằm hạn chế nợ xấu.

Xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn, đảm bảo thẩm định và giám sát thống nhất.

Căn cứ đề xuất/Cơ sở thực tiễn

Bộ tiêu chí hiện hành (Quy chế quản lý rủi ro của Sacombank số 19/2024/QĐ-VBQL.HĐQT) chưa chi tiết cho từng tiêu chí, tần suất giám sát tối thiểu hằng tháng chưa đáp ứng yêu cầu phát hiện sớm rủi ro.

Nội dung giải pháp

Giải pháp tập trung vào việc xây dựng bộ tiêu chí đa chiều dựa trên các tiêu chí cơ bản được quy định trong Quy chế quản lý rủi ro và Hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ cho đối tượng cá nhân vay kinh doanh. Bộ tiêu chí này sẽ mở rộng phạm vi đánh giá, bao quát nhiều khía cạnh quan trọng, cụ thể: (i) tính tuân thủ các điều kiện cấp tín dụng; (ii) tình hình trả nợ tại Sacombank và các TCTD khác; (iii) tình hình trả nợ của KH tại các đối tác kinh doanh hoặc các chủ nợ khác; (iv) tình hình pháp lý KH; (v) hoạt động kinh doanh, khả năng tài chính; (vi) ngành nghề và môi trường kinh doanh; (vii) tài sản đảm bảo (Bảng 3.1).

Điều kiện thực hiện giải pháp

Cán bộ được đào tạo về đánh giá rủi ro và áp dụng bộ tiêu chí mới.

Thực hiện truyền thông nội bộ để mọi cán bộ nắm quy trình.

Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin nhanh giữa các phòng ban.

Hiệu quả dự kiến đạt được

Hoàn thiện bộ tiêu chí kiểm soát rủi ro tín dụng giúp nâng cao chất lượng thẩm định, giám sát khoản vay, giảm rủi ro và tỷ lệ nợ xấu, đồng thời tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận. Giải pháp cũng chuẩn hóa, minh bạch hóa hoạt động kiểm soát rủi ro và có thể trở thành mô hình quản trị rủi ro nhân rộng cho các chi nhánh khác.

3.2.2. Tăng cường giám sát sau cho vay gắn với ứng dụng hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System – EWS)

Mục tiêu giải pháp

Nâng cao hiệu quả giám sát sau cho vay bằng hệ thống cảnh báo sớm (EWS) để kiểm soát việc sử dụng vốn của khách hàng cá nhân kinh doanh, phát hiện kịp thời dấu hiệu rủi ro và đưa ra biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ phù hợp. Đồng thời, giảm thiểu nợ quá hạn và nợ xấu (phần đầu dưới 2% vào năm 2027) và củng cố mối quan hệ lâu dài, nâng cao uy tín Sacombank trong tín dụng bán lẻ.

Căn cứ đề xuất giải pháp

Hiện chi nhánh chưa có công cụ chuyên biệt để đánh giá dòng tiền và sử dụng vốn vay, nên cần chuẩn hóa quy trình giám sát với tần suất, thời điểm kiểm tra và phân công trách nhiệm rõ ràng. Giám sát kết hợp tại chỗ và từ xa giúp phát hiện sớm các bất thường về dòng tiền, doanh thu, lịch sử trả nợ hoặc hành vi sử dụng vốn sai mục đích, đặc biệt với nhóm khách hàng rủi ro cao.

Hệ thống cảnh báo sớm (EWS) (Bảng 3.3) được thiết lập dựa trên chỉ số dòng tiền, lịch sử trả nợ, biến động doanh thu và thông tin thị trường, cảnh báo tự động khi có dấu hiệu rủi ro, đồng thời tích hợp dữ liệu CIC và ngành để nâng cao độ chính xác. Kênh thông tin hai

chiều giữa chi nhánh và khách hàng giúp cập nhật tình hình sử dụng vốn và hỗ trợ xử lý khó khăn. Hiệu quả giám sát được gắn với đánh giá công việc của cán bộ tín dụng để đảm bảo trách nhiệm và nâng cao năng lực quản lý.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Chi nhánh cần triển khai quy trình giám sát chuẩn cùng phần mềm và hệ thống cảnh báo sớm, đồng thời nâng cấp hạ tầng công nghệ và đào tạo cán bộ với ngân sách dự kiến 1,5 tỷ đồng (2025–2027). Chi nhánh cũng cần tái cơ cấu bộ phận giám sát tách biệt với bộ phận cho vay để đảm bảo tính khách quan và minh bạch.

3.2.3. Tăng cường thực hiện bảo hiểm tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh

Mục tiêu giải pháp

Giảm thiểu rủi ro mất vốn do các sự kiện bất khả kháng, mất khả năng thanh toán hoặc rủi ro pháp lý liên quan đến tài sản đảm bảo

Căn cứ đề xuất/Cơ sở thực tiễn

Tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng, dư nợ cho vay cá nhân kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhưng gần như chưa gắn với bảo hiểm tín dụng, mặc dù chi nhánh đã ký hợp tác với Dai-ichi Life và có chính sách ưu đãi phí. Đặc biệt, theo Thông báo số 2378/TB-DVBH ngày 17/07/2025 của Sacombank ban hành, sản phẩm An Tâm Tín Dụng áp dụng cho khách hàng cá nhân vay vốn tại Sacombank đã quy định rõ mức phí bảo hiểm, yêu cầu thẩm định sức khỏe và cơ chế bồi thường. Đây là căn cứ quan trọng để Sacombank – Chi nhánh Đà Nẵng nghiên cứu, tiếp thu và ban hành quy định nội bộ có tính hệ thống, khắc phục tình trạng triển khai còn mang tính hình thức và thiếu đồng bộ trong thời gian qua.

Nội dung giải pháp

Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng cần tích hợp sản phẩm bảo hiểm tín dụng “An Tâm Tín Dụng” trực tiếp vào hợp đồng vay vốn của khách hàng cá nhân kinh doanh, tạo cơ sở pháp lý và quy trình triển khai đồng bộ, minh bạch. Cán bộ tín dụng sẽ được chuẩn hóa kịch bản tư vấn để nhấn mạnh lợi ích bảo vệ vốn vay, chia sẻ rủi ro tài chính và thuận lợi tiếp cận các dịch vụ ưu đãi khác. Trường hợp khách hàng không tham gia, hồ sơ phải được giải trình hợp lý, đồng thời đánh giá dựa trên các yếu tố khác như dòng tiền, lịch sử tín dụng và sản phẩm dịch vụ bổ sung, đảm bảo cân bằng giữa linh hoạt và an toàn tín dụng.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng phối hợp với Dai-ichi Life triển khai thực hiện sản phẩm bảo hiểm tín dụng phù hợp cho khách hàng cá nhân kinh doanh, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn. Đồng thời, chi nhánh tổ chức tập huấn cán bộ tín dụng về kỹ năng tư vấn, tính toán phí bảo hiểm, giải thích quyền lợi và vận hành quy trình từ tiếp nhận hồ sơ đến giám sát khoản vay có bảo hiểm.

Hiệu quả dự kiến

Việc tăng cường triển khai bảo hiểm tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh được kỳ vọng mang lại các hiệu quả sau:

Nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro tín dụng: Khi bảo hiểm tín dụng trở thành một phần bắt buộc trong hợp đồng vay vốn, chi nhánh sẽ có thêm một lớp phòng vệ trước nguy cơ khách hàng mất khả năng thanh toán, qua đó giảm thiểu tổn thất tài chính và hạn chế sự gia tăng của nợ xấu.

Tăng cường khả năng phân tán rủi ro: Bảo hiểm tín dụng giúp ngân hàng chuyển giao một phần rủi ro cho doanh nghiệp bảo hiểm, thay vì tập trung toàn bộ gánh nặng tại chi nhánh. Điều này không chỉ

giảm áp lực quản trị rủi ro nội bộ mà còn góp phần đảm bảo tính ổn định cho danh mục tín dụng cá nhân kinh doanh.

Củng cố kỷ luật tín dụng và sự minh bạch: Quy định phí bảo hiểm rõ ràng, gắn trực tiếp vào quy trình tín dụng sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch và kỷ luật trong hoạt động cho vay. Cán bộ tín dụng có cơ sở pháp lý thống nhất để triển khai, trong khi khách hàng được cung cấp đầy đủ thông tin về nghĩa vụ và quyền lợi.

Bảo vệ quyền lợi khách hàng và nâng cao niềm tin: Tham gia bảo hiểm tín dụng giúp khách hàng an tâm hơn trong trường hợp xảy ra các biến cố bất khả kháng, đồng thời khẳng định trách nhiệm đồng hành và chia sẻ rủi ro của ngân hàng. Điều này có tác động tích cực đến uy tín và hình ảnh thương hiệu Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng.

Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững: Giải pháp này không chỉ hỗ trợ ngân hàng trong việc giảm thiểu rủi ro tài chính mà còn tạo dựng cơ chế tín dụng an toàn, lành mạnh hơn đối với phân khúc khách hàng cá nhân kinh doanh – nhóm khách hàng giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương.

3.2.4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tại Chi nhánh

Mục tiêu giải pháp

Trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, giảm thiểu sai sót trong thẩm định, phê duyệt, giám sát và xử lý nợ.

Xây dựng đội ngũ tín dụng chuyên môn vững vàng, tác phong chuyên nghiệp, góp phần nâng cao uy tín Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng trong phân khúc tín dụng cá nhân kinh doanh.

Căn cứ đề xuất/Cơ sở pháp lý

Giai đoạn 2022–2024, một bộ phận cán bộ tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng chưa thành thạo công nghệ số, kỹ năng phân tích báo

cáo tài chính và dự báo dòng tiền còn hạn chế, góp phần làm gia tăng nợ xấu trong cho vay cá nhân kinh doanh. Theo Luật Các TCTD (2010, sửa đổi 2017), Thông tư 13/2018/TT-NHNN và lộ trình Basel II, III, việc nâng cao năng lực cán bộ tín dụng là yêu cầu cấp thiết, đặc biệt khi khách hàng cá nhân kinh doanh có quy mô nhỏ, thông tin tài chính thiếu minh bạch và dễ biến động.

Nội dung giải pháp

Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng cần chuẩn hóa đào tạo định kỳ về thẩm định tín dụng, đồng thời trang bị kỹ năng mềm, quản trị quan hệ khách hàng và cập nhật chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế theo Basel II/III. Việc luân chuyển cán bộ giữa các phòng ban, hoàn thiện cơ chế đánh giá gắn với quản trị rủi ro và xây dựng văn hóa nghề nghiệp dựa trên đạo đức, trách nhiệm giúp nâng cao năng lực, chuyên môn và tính minh bạch trong hoạt động tín dụng cá nhân kinh doanh.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Chi nhánh cần tăng cường hợp tác với NHNN, hiệp hội ngân hàng và các tổ chức đào tạo quốc tế để cán bộ tham gia hội thảo, khóa học nâng cao, tiếp cận phương pháp quản trị rủi ro hiện đại. Ngân sách khoảng 2 tỷ đồng giai đoạn 2025–2027 sẽ dùng cho đào tạo kỹ năng thẩm định, giám sát, cảnh báo sớm và sử dụng phần mềm quản trị rủi ro, đồng thời triển khai cơ chế luân chuyển cán bộ. Cán bộ tín dụng phải chủ động tham gia đào tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trong khi lãnh đạo chi nhánh giám sát hiệu quả đào tạo và gắn khen thưởng với thành tích quản trị rủi ro.

3.3. Kiến nghị với Sacombank

Thứ nhất, Sacombank cần hoàn thiện cơ chế thẩm định và kiểm soát rủi ro tín dụng: xây dựng và thường xuyên cập nhật bộ tiêu chí thẩm định khách hàng cá nhân kinh doanh; áp dụng các mô hình chấm

điểm tín dụng hiện đại, tích hợp dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào yếu tố chủ quan của cán bộ tín dụng; siết chặt quy trình hậu kiểm, coi giám sát sau cho vay là công cụ trọng yếu trong phòng ngừa nợ xấu.

Thứ hai, Sacombank cần ban hành các chính sách ưu đãi theo từng thời kỳ nhằm đa dạng hóa sản phẩm tín dụng cho khách hàng cá nhân kinh doanh. Việc thiết kế các gói tín dụng linh hoạt, phù hợp với chu kỳ kinh doanh của từng nhóm ngành hàng là cần thiết, không chỉ nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu vốn mà còn tạo lợi thế cạnh tranh với các ngân hàng thương mại khác trên địa bàn.

Thứ ba, Sacombank cần có quy định thống nhất trong toàn hệ thống về việc xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy trình tín dụng hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm soát rủi ro, qua đó góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và kỷ luật trong toàn bộ hoạt động tín dụng. Ngoài ra, cần triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về thẩm định phương án kinh doanh nhỏ lẻ, phân tích báo cáo tài chính giản lược và nhận diện sớm dấu hiệu rủi ro.

Thứ tư, việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý và phục vụ khách hàng là hết sức cần thiết. Chi nhánh nên triển khai sâu rộng các ứng dụng ngân hàng số nhằm tối ưu hóa quy trình cho vay, bao gồm tiếp nhận hồ sơ vay vốn trực tuyến, sử dụng chữ ký số, lưu trữ và quản lý hồ sơ điện tử. Điều này vừa giúp tiết kiệm thời gian cho khách hàng, vừa nâng cao tính minh bạch và kiểm soát nội bộ.

Trong bối cảnh Nghị định 70/2025/NĐ-CP quy định hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm bắt buộc triển khai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền, Sacombank cần khai thác nguồn dữ liệu này để tăng cường tính minh bạch trong thẩm định và giám sát tín dụng. Bên cạnh đó, Hội sở cần tăng cường phối hợp với cơ quan thuế, và các nhà

cung cấp dịch vụ công (điện, nước, viễn thông) nhằm khai thác và đổi chiều dữ liệu đa chiều phục vụ đánh giá khách hàng.

Cuối cùng, Sacombank nên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các hiệp hội ngành nghề. Để giảm thiểu rủi ro và mở rộng tín dụng an toàn, Hội sở cần tăng cường hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc xác minh thông tin về hộ kinh doanh, giấy phép hoạt động, cũng như các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước. Đồng thời, việc liên kết với các hiệp hội ngành nghề sẽ giúp ngân hàng tiếp cận hiệu quả hơn với tập khách hàng mục tiêu.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam giai đoạn 2022–2025 có nhiều biến động, hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ sự thay đổi của môi trường pháp lý, xu hướng chuyển đổi số cũng như đặc điểm của nhóm khách hàng cá nhân kinh doanh. Đây là nhóm khách hàng có đặc điểm riêng biệt: vốn vay nhỏ lẻ, đa dạng ngành nghề, song lại thiếu minh bạch về tài chính và khả năng tuân thủ pháp luật còn hạn chế. Chính vì vậy, việc tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng không chỉ là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm an toàn vốn vay mà còn góp phần khẳng định vai trò của Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng trong quản trị rủi ro hiện đại.

Dựa trên những dữ liệu thu thập được từ các báo cáo, đề án đã tập trung phân tích thực trạng cùng các nguyên nhân của các mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng. Từ đó, đưa ra các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hoạt động này thông qua hai trụ cột chính là xây dựng cơ chế và ứng dụng tối đa hiệu quả của công nghệ. Nếu được triển khai đồng bộ, các giải pháp này được kỳ vọng sẽ góp phần giúp chi nhánh nâng cao hiệu quả hơn nữa hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh. Bên cạnh đó, cần sự phối hợp chặt chẽ và quyết liệt giữa Ban lãnh đạo chi nhánh và các phòng ban như Phòng Khách hàng cá nhân, Phòng Kiểm soát rủi ro – Tuân thủ.

Với đề án này, tôi kỳ vọng rằng những đánh giá, phân tích cũng như các hướng giải pháp được nêu trên sẽ mang lại những giá trị thực tiễn cho hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân kinh doanh nói riêng tại Sacombank Chi nhánh Đà Nẵng, góp phần giảm thiểu tỷ lệ nợ xấu, tối ưu hoá hiệu quả công tác kiểm soát rủi ro và bảo đảm sự phát triển bền vững của chi nhánh.